

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải,
sửa chữa tàu biển**

Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018;

2. Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển.¹

¹ Nghị định số 147/2018/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.”

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2014/QH13;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, ngoại trừ các cơ sở sau:

- a) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển có tổng dung tích dưới 500 GT;
- b) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển chở dưới 50 khách;
- c) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;
- d) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu cá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Cơ sở đóng tàu loại 1 là cơ sở có đủ điều kiện đóng mới, hoán cải tất cả các loại tàu biển.
- 2.³ Cơ sở đóng tàu loại 2 là cơ sở có đủ điều kiện đóng mới, hoán cải các loại tàu biển chở khách có sức chở dưới 100 hành khách; tàu biển không phải là tàu chở khách có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 90 m.
- 3. Đóng mới tàu biển là quá trình chế tạo tàu biển từ khi đặt sống chính đến khi bàn giao đưa tàu vào khai thác.
- 4. Hoán cải tàu biển là việc làm thay đổi một trong số các thông số sau của tàu:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 95 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 96 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

- a) Kích thước chính;
- b) Công dụng;
- c) Mức độ phân khoang thân tàu;
- d) Thể tích chứa hàng;
- đ) Khu vực chờ khách.

5. Sửa chữa tàu biển là hoạt động sửa chữa phục hồi tàu biển trên triền đà, ụ tàu hoặc mặt bằng sửa chữa sau khi tàu được đưa lên khỏi mặt nước.

Điều 4. Điều kiện chung

1. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển là doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

2.⁴ *(được bãi bỏ)*

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI TÀU BIỂN

Điều 5. Điều kiện về cán bộ kỹ thuật, kiểm tra chất lượng và thợ đóng tàu⁵

1. Cơ sở đóng tàu phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng riêng biệt đáp ứng yêu cầu đóng mới, hoán cải tàu biển, với số lượng cán bộ tối thiểu của mỗi bộ phận, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở đóng tàu loại 1: 02 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy, 02 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy và 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành điện tàu thủy;

b) Đối với cơ sở đóng tàu loại 2: 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy và 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy.

2. Cơ sở đóng tàu với thân tàu bằng vật liệu kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 05 thợ hàn kim loại phù hợp theo loại vật liệu vỏ tàu. Thợ hàn kim loại phải được chứng nhận theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển hoặc tương đương.

3. Cơ sở đóng tàu với thân tàu bằng vật liệu phi kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 03 thợ chế tạo vỏ tàu thủy phù hợp theo loại vật liệu vỏ tàu.

Điều 6. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị

Đảm bảo có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển.

Điều 7.⁶ *(được bãi bỏ)*

⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 97 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Điều 8.⁷ (được bãi bỏ)

Điều 9.⁸ (được bãi bỏ)

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ SỬA CHỮA TÀU BIỂN

Điều 10. Điều kiện về cán bộ kỹ thuật, kiểm tra chất lượng và thợ sửa chữa tàu⁹

1. Cơ sở sửa chữa tàu biển phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng riêng biệt đáp ứng yêu cầu sửa chữa tàu, mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy và 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy.

2. Cơ sở sửa chữa tàu với thân tàu bằng vật liệu kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 03 thợ hàn kim loại phù hợp theo loại vật liệu vỏ tàu. Thợ hàn kim loại phải được chứng nhận phù hợp theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển hoặc tương đương.

3. Cơ sở sửa chữa tàu với thân tàu bằng vật liệu phi kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 02 thợ chế tạo vỏ tàu thủy phù hợp theo loại vật liệu vỏ tàu.

Điều 11. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị

Đảm bảo có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển.

Điều 12.¹⁰ (được bãi bỏ)

Điều 13.¹¹ (được bãi bỏ)

Điều 14.¹² (được bãi bỏ)

⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 6 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 6 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Chương IV

CÔNG NHẬN, CÔNG NHẬN LẠI CƠ SỞ ĐÚNG ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA TÀU BIỂN

Điều 15.¹³ (được bãi bỏ)

Điều 16.¹⁴ (được bãi bỏ)

Điều 17.¹⁵ (được bãi bỏ)

Điều 18.¹⁶ (được bãi bỏ)

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1.¹⁷ Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;

b) Tổ chức xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan tới cơ sở đóng mới, hoán cải và sửa chữa tàu biển đảm bảo phù hợp với trình độ phát triển của công nghệ đóng tàu trong nước và trên thế giới.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁸ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể về kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng¹⁹ hướng dẫn cụ thể về kế hoạch phòng, chống cháy nổ đối với các cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển theo quy định của pháp luật.

¹³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 99 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 99 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng²⁰ tổ chức việc kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường, kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường.

5.²¹ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Quản lý nhà nước đối với hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển hoạt động trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển có trách nhiệm thực hiện các quy định về Điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật; duy trì các điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Điều 20. Chế độ thanh tra, kiểm tra điều kiện kinh doanh

Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển chịu sự thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh và trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành²²

²⁰ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 99 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 99 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

²² Điều 7 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.”

Điều 137, 138, 139 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 137. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 138 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Điều 38 và khoản 2 Điều 43 của Nghị định này có hiệu lực thi hành khi Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và có hiệu lực thi hành./.

Điều 138. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm tại các Nghị định của Chính phủ có liên quan

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển được thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì vẫn tiếp tục được hoạt động và phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

1. Bãi bỏ một số điều, khoản và Phụ lục của Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

a) Bãi bỏ Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 37, Điều 39 và Điều 44;

b) Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 38;

c) Bãi bỏ khoản 5 Điều 45;

d) Bãi bỏ mục 1 và các Mẫu 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14 mục 2 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP;

đ) Bãi bỏ Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

3. Bãi bỏ Điều 14 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 139. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

PHỤ LỤC
MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ ĐÓNG MỚI,
HOÁN CẢI, SỬA CHỮA TÀU BIỂN
(Kèm theo Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên mẫu giấy tờ
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận/công nhận lại cơ sở đủ Điều kiện đóng mới/ hoán cải/sửa chữa tàu biển
Mẫu số 02	Thông báo cơ sở đủ Điều kiện đóng mới/hoán cải/sửa chữa tàu biển

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐÓNG MỚI/HOÁN CẢI/SỬA CHỮA TÀU BIỂN*

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

1. Tên cơ sở:
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại: Fax: E-mail:
3. Người đại diện theo pháp luật:
Họ tên:
Chức vụ:
Điện thoại: E-mail:
4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các Điều kiện cơ sở đóng mới/hoán cải/sửa chữa* tàu biển.
Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ, thực hiện đánh giá tại cơ sở và cấp/ cấp lại* thông báo cơ sở đủ Điều kiện đóng mới/hoán cải/sửa chữa* tàu biển theo quy định.
5. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:
- 6 (Tên cơ sở) xin cam kết:
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.
 - Thực hiện đúng các quy định về hoạt động đóng mới/hoán cải/sửa chữa tàu biển và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ.....

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

* Gạch bỏ nội dung không phù hợp.

Mẫu số 02

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG BÁO
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI/HOÁN CẢI/SỬA CHỮA TÀU BIỂN*
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM THÔNG BÁO

Cơ sở:

Địa chỉ:

Đã được đánh giá đủ Điều kiện đóng mới/hoán cải/sửa chữa* các loại tàu biển
như sau:...

Phù hợp với các quy định của Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày
....tháng.... năm 2016.

Thời hạn cấp lại Thông báo:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

* Gạch bỏ nội dung không phù hợp.

BỘ XÂY DỰNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG *HA***XÂY DỰNG TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang****Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ XD (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, ĐKVN.